



ā gēn tíng

阿根廷

proper noun (country) · Argentina

Example Sentences

ā gēn tíng de zú qiú wén huà fēi cháng yǒu míng

阿根廷的足球文化非常有名。

Argentina's football culture is very famous.

tā jì huà míng nián qù ā gēn tíng lǚ xíng

她计划明年去阿根廷旅行。

She plans to travel to Argentina next year.

Trace each character, then write the word on your own.

阿	阿	阿	阿	阿	阿	阿	阿	阿	阿	
根	根	根	根	根	根	根	根	根	根	根
根	根									
廷	廷	廷	廷	廷	廷	廷	廷	廷		